

Bản án số: 80/2024/HS - ST
Ngày: 14-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bạ

Bà Nguyễn Thị Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở **Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh**, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2024/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 7 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/HSST-QĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Duy H**, sinh năm 1989 tại **huyện T, tỉnh Bắc Ninh**; nơi ĐKKHT và nơi ở hiện nay: Phòng 12a3 **chung cư T, TDP số B, phường T, quận N, thành phố Hà Nội**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa(học vấn): Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Nguyễn Duy H1** và con bà **Nguyễn Thị P**; có vợ: **Vũ Thị Phương L**, bị cáo có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/5/2024 đến ngày 31/5/2024 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam sang biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Vũ Huy H2**, sinh năm 1989 tại **thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**; nơi ĐKKHT và nơi ở hiện nay: **Số nhà A, ngõ D, đường H, tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa(học vấn): Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông:

Vũ Duy H3 và con bà Nguyễn Thị Thu H4; có vợ: Đỗ Thị Thu H5, bị cáo có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/5/2024 đến ngày 31/5/2024 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam sang biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại: Ông Hà Quang N, sinh năm 1966. Địa chỉ: Phố K, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

*Người làm chứng:

1. Ông Mạc Đình Đ, sinh năm 1969. Vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1996. Vắng mặt.
3. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1990. Vắng mặt.
4. Anh Nguyễn T1, sinh năm 2000. Vắng mặt.
5. Anh Võ Trọng N2, sinh năm 2000. Vắng mặt.
6. Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1996. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV S có trụ sở KDC T, H, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 09/11/2019 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư tỉnh H, do Nghiêm Đức N3, sinh năm 1980, trú tại: Tòa nhà A chung cư S, phường K, quận H, thành phố Hà Nội là chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần đăng ký thay đổi thông tin chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật, trong đó đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 07/6/2022, thông tin chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật: Hà Quang N; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 10/10/2022, thông tin chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật: Hà Quang N. Các lần thay đổi, chủ sở hữu đều chuyển nhượng 100% vốn cho chủ sở hữu và người đại diện pháp luật về sau.

Vũ Huy H2 là Tổng giám đốc, Nguyễn Duy H là nhân viên của công ty TNHH E, địa chỉ số B, ngõ A, đường K, quận H, thành phố H có quen biết với Nghiêm Đức N3. Ngày 06/12/2021 H2 đại diện công ty E ký hợp đồng hợp tác làm ăn với N3 đại diện Công ty TNHH MTV S. Theo hợp đồng, Công ty H7 vốn làm ăn với Công ty của N3 số tiền 500.000.000đồng, Công ty của N3 sẽ chuyển nhượng 01 xe ô tô tải BKS: 29H-358.19 để Công ty của N3 sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh lợi nhuận thì chia đôi, hợp đồng có thời hạn từ ngày 07/12/2021 đến ngày 07/01/2022. Sau khi hết hạn hợp đồng, Công ty của N3 không thanh toán được tiền lợi nhuận như cam kết, không trả nợ gốc và không chuyển nhượng xe cho Công ty H8. H2 đã ủy quyền cho Nguyễn Duy H, thay mặt H2 giải quyết công nợ với N3.

Ngày 19/5/2022 (sau khi N3 không còn là chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV S nữa theo đăng ký thay đổi lần 4 ngày 31/3/2022). Năng tiếp tục đại diện Công ty ký kết biên thỏa thuận với H với nội dung bàn giao các tài sản trong nhà xưởng của Công ty tại trụ sở khu dân cư T- H, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương cho công ty TNHH E gồm: Khung và kết cấu kim loại của nhà xưởng, vật liệu lợp mái và bao quanh khung kết cấu kim loại và các nguyên liệu vật liệu khác được sử dụng để hình thành nên khu vực sản xuất; Máy sàng cát, máy phát điện, camera và các máy móc khác phục vụ cho việc sản xuất; Cát nguyên liệu, vật liệu phục vụ cho việc sản xuất được lưu giữ tại khu vực sản xuất; Toàn bộ lượng hàng tồn kho được lưu giữ tại khu vực sản xuất; Các công cụ, dụng cụ, máy móc và những tài sản khác hiện đang được lưu tại khu vực sản xuất của nhà xưởng cho Công ty TNHH E. Quá trình ký kết thỏa thuận Năng viết, ký và đóng dấu công ty S vào mục đại diện bên giao. Năng không thông báo cho H, H2 biết việc N3 không còn là chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Do N3 không thực hiện nội dung trả nợ như đã thỏa thuận ngày 19/5/2022. Ngày 04/11/2022, H và H2 đã trao đổi, thống nhất về việc đến tiếp quản xưởng và các tài sản trong xưởng theo hợp đồng thỏa thuận với N3. H đã liên hệ tìm thuê Mạc Đình Đ, sinh năm 1969, trú tại: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Việt T, sinh năm 1996, trú tại: xã L, V, Hưng Yên; Nguyễn Văn N1, sinh năm 1990, trú tại L, V, Hưng Yên đến xưởng sản xuất vật liệu xây dựng của Công ty TNHH MTV S có địa chỉ khu dân cư H, phường C, TP C, tỉnh Hải Dương. Khi đến thì trong xưởng có anh Nguyễn T1, sinh năm 2000 và anh Võ Trọng N2, sinh năm 2000, đều trú tại: xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên là công nhân đang nghỉ ở đó. H, H2 gặp và thông báo với anh T1, anh N2 về việc bàn giao xưởng với N3 và yêu cầu anh T1, anh N2 ra khỏi xưởng để tiến hành quản lý xưởng. Nhận được thông tin có nhóm của H và H2 đến xưởng, ông Hà Quang N, sinh năm 1966, trú tại: Phố K, phường K, Quận Đ, thành phố Hà Nội là chủ sở hữu và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV S (đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 07/6/2022, thông tin chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật: Hà Quang N; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 10/10/2022, thông tin chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật: Hà Quang N) đến xưởng gặp H2 và H trao đổi nội dung các tài sản trong xưởng là của ông N rồi bỏ đi. Sau khi ông N bỏ đi, H, H2 tiếp tục quản lý xưởng và giao xưởng cho Đ, T, Nguyễn Văn N1 quản lý.

Khoảng 21 giờ ngày 05/11/2022, H liên hệ thuê máy cẩu đến xưởng (H không nhớ thuê ai, không xác định được người điều khiển máy cẩu), sau đó H cùng H2 và những người khác di chuyển ra khỏi xưởng gồm 01 máy xúc lật nhãn hiệu Komatsu 510, model Komastu 510, sản xuất năm 2000; 01 máy nâng nhãn hiệu Mitsubishi, modek F16A, sản xuất năm 1997. H chỉ đạo chuyển các tài sản trên đến bãi xe tại V, Hưng Yên của ông Phạm Văn T3, sinh năm 1972, trú tại thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên để tạm ở đó. Ngày 19/11/2022, H liên hệ và bán máy xúc lật Komatsu 510 cho ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1966, trú tại thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 87.000.000đồng. Ngày 29/11/2022, H tiếp tục liên hệ bán máy nâng nhãn hiệu Mitsubishi cho ông T2 với giá 43.000.000đồng (ông T2 không biết các tài sản trên là do H2, H chiếm đoạt của người khác). Số

tiền H bán 02 tài sản trên H chi trả cho các khoản chi phí thuê người, tiếp quản, trông coi, quản lý, di chuyển tài sản tài sản phần còn lại H quản lý. Sau khi ông T2 mua máy xúc và máy nâng, ông T2 đã bán cho một người không rõ nhân thân, lý lịch. Giải quyết đơn đề nghị của ông Hà Quang N, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố C đã tiến hành làm việc, thông báo đến H và H2 việc Nghiêm Đức N3 không còn là chủ sở hữu hợp pháp của Công ty TNHH MTV S, yêu cầu H và H2 có trách nhiệm bàn giao, hoàn trả lại toàn bộ các tài sản đã di chuyển ra khỏi xưởng cho ông N nhưng H và H2 không trả lại tài sản cho ông N.

Bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 31/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C kết luận:

Định giá tại thời điểm ngày 04/11/2022 và ngày 05/11/2022 (có giá trị không thay đổi)

- 01 xe nâng hàng nhãn hiệu Mitsubishi, model: F16A, năm sản xuất: 1997, khối lượng nâng tối đa 2000kg, số động cơ 54646, số tay. Tại thời điểm định giá có giá trị là 120.000.000đồng

- 01 xe xúc lật, nhãn hiệu Komatsu 510, model: Komatsu 510, năm sản xuất 2000, khối lượng nâng tối đa: gần 1,2m³, số khung 4D, số máy: 4d1052104199. Tại thời điểm định giá có giá trị là 250.000.000đồng.

Bản kết luận giám định số: 929/KL-KTHS ngày 04/04/2024 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung diễn biến xuất hiện trên 03 tệp video có tên "IGIU8008.MP4", "LIYJ5642.MP4", "QXGS6514.MP4" được lưu trong mẫu gửi giám định. Trích xuất được 04 ảnh đặc điểm các phương tiện xuất hiện trên tệp video có tên "QXGS6514.MP4" được lưu trong mẫu gửi giám định; chi tiết được thể hiện trong phụ lục giám định. Kèm theo kết luận giám định là 01 phụ lục giám định có chữ ký của giám định viên.

Tại Cáo trạng số 77/CT-VKSCL ngày 03 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố Nguyễn Duy H và Vũ Huy H2 về tội "Chiếm giữ trái phép tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 176 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại ông Hà Quang N không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy H, bị cáo Vũ Huy H2 phạm tội "Chiếm giữ trái phép tài sản".

Căn cứ khoản 2 Điều 176; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 54 của BLHS; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy H** từ 25.000.000đồng đến 35.000.000đồng sung quỹ Nhà nước

Xử phạt bị cáo **Vũ Huy H2** từ 15.000.000đồng đến 25.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo **Nguyễn Duy H**, **Vũ Huy H2** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố C**, Điều tra viên, VKSND thành phố Chí Linh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo **Nguyễn Duy H**, **Vũ Huy H2** tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với hiện trường vụ án và lời khai của bị hại, những người làm chứng về thời gian, địa điểm, hậu quả các bị cáo gây ra. Tòa án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 05/11/2022, tại xưởng sản xuất vật liệu xây dựng của **công ty TNHH MTV S**, có địa chỉ: **KDC Hàm Ech T, phường C, TP C, tỉnh Hải Dương** **Nguyễn Duy H** và **Vũ Huy H2** quá trình thực hiện thỏa thuận dân sự, do nhầm lẫn trong việc xác định chủ sở hữu tài sản. **Nguyễn Duy H** và **Vũ Huy H2** đã chiếm giữ của ông **Hà Quang N** chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của **công ty TNHH MTV S1**: 01 xúc nhãn hiệu Komatsu 510, sản xuất năm 2000; 01 máy nâng nhãn hiệu Mitsubishi, modek F16A, sản xuất năm 1997 có tổng giá trị là 370.000.000 đồng. Cơ quan điều tra **Công an thành phố C** và ông **N** đã thông báo và yêu cầu trả lại tài sản những **H** và **H2** không trả lại tài sản.

Hành vi đó của các bị cáo đã phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 176 BLHS.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Trong vụ án, các bị cáo đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, chỉ đạo nhưng hành vi của người này

thúc đẩy, giúp sức cho bị cáo kia thực hiện phạm tội đến cùng. Trong đó, bị cáo H giữ vai trò chính, là người trực tiếp bán máy xúc và máy nâng của bị hại, chi trả khoản tiền chi phí thuê người, tiếp quản, trông coi, quản lý di chuyển tài sản, phần tiền còn lại H cầm tiền. Bị cáo Hoàng giữ vai trò giúp sức thứ yếu, biết việc H lấy hai tài sản đi bán, đi cùng H và đồng ý với việc H làm. Khi người bị hại yêu cầu hai bị cáo trả lại tài sản, bị cáo H và H2 cố ý không trả. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi hai bị cáo đã thực hiện.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ sau: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo H và bị cáo H2 đều là người có nhân thân tốt và gia đình đều chấp hành tốt chủ trương, pháp luật của Nhà nước. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi của mình. Trong quá trình học tập, bị cáo H được Sở giáo dục tỉnh B chứng nhận được giải ba kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh. Bị cáo H2 được Ban chấp hành đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố H tặng bằng khen năm 2010; Ban trường Đại học L1 tặng giấy khen năm 2009; Tổng công ty cổ phần Đ1 tặng danh hiệu Lao động tiên tiến năm 2015. Bị cáo H có bố đẻ là thương binh, có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị P được Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huy chương hạng nhì năm 1997; chị gái được Bộ trưởng bộ T4 tặng Bằng khen năm 2013, tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua ngành tài chính năm 2014. Bị cáo H2 có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Thu H4 được Chánh án Toà án nhân dân tối cao tặng Bằng Khen năm 2017, được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua Toà án nhân dân năm 2018, được Ban chấp hành Đảng Bộ thành phố T tặng Giấy khen năm 2019, có bố đẻ là ông Vũ Huy H6 được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng ba năm 2015. Bị cáo H và bị cáo H2 đều tự nguyện bồi thường thiệt hại nên đã khắc phục được hậu quả xảy ra. Người bị hại xin giảm nhẹ cho các bị cáo. Do đó, bị cáo H, bị cáo H2 đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo H, bị cáo H2 đều có ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Xét bị cáo H và bị cáo H2 đều có nhân thân tốt. Bản thân các bị cáo trong quá trình học tập và lao động đều có nhiều thành tích, được nhà trường, cơ quan, tổ chức tặng thưởng giấy khen. Việc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật này là do nhận thức pháp luật của các bị cáo hạn chế nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố C tại phiên tòa.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo H và bị cáo H2 đã tự nguyện bồi thường cho ông Hà Quang N số tiền 400.000.000 đồng (bị cáo H2 bồi thường số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo H bồi thường số tiền

200.000.000đồng). Ông N không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Đối với hành vi của Nghiêm Đức N3 có dấu hiệu tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, hành vi xảy ra tại quận C, thành phố Hà Nội, Cơ quan CSĐT- Công an quận C, thành phố Hà Nội đã đưa vụ việc vào hệ thống tố giác tội phạm để giải quyết theo quy định nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với anh Mạc Đình Đ, anh Nguyễn Viết T, anh Nguyễn Văn N1, ông Phạm Văn T3 là những người được H thuê đi cùng đến xưởng sản xuất vật liệu xây dựng ngày 04/11/2022 để tiếp quản xưởng và thuê xưởng để tài sản; ông Nguyễn Ngọc T2 là người mua máy xúc và máy nâng của H, những người này không biết hành vi chiếm giữ tài sản trái phép của H và H2 nên không có căn cứ để xử lý.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 máy xúc lật nhãn hiệu Komatsu 510, model Komastu 510, sản xuất năm 2000; 01 máy nâng nhãn hiệu Mitsubishi, modek F16A, sản xuất năm 1997, sau khi H2 và H vận chuyển khỏi xưởng sản xuất vật liệu xây dựng của ông N1, H và H2 đã bán cho ông Nguyễn Ngọc T2, ông T2 sau đó đã bán cho người đàn ông không rõ lý lịch, địa chỉ. Quá trình điều tra cơ quan CSĐT Công an thành phố C đã truy tìm nhưng không thu giữ được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo H, H2 bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 176; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của BLHS; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy H, bị cáo Vũ Huy H2 phạm tội "Chiếm giữ trái phép tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H 30.000.000đồng(Ba mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Vũ Huy H2 20.000.000đồng(Hai mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Duy H, Vũ Huy H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQĐT Công an thành phố Chí Linh;
- Công an thành phố Chí Linh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ- Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THA hình sự - Công an thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Sở tư pháp thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;
- UBND phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương